TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2019/QĐST-HNGĐ	*Điện Bàn, ngày 15 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Trần Thị T, sinh năm: 1982

+ Ông Mai Phước T1, sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: Thôn ĐH, xã Điện T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Mai Phước T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Điện T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Mai Phước T1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị T và ông Mai Phước T1 thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận.

[2] Về quan hệ con chung: vợ chồng có 02 con chung gồm Mai Thị Thùy T2, sinh ngày 14/9/2006 và Mai Phước P, sinh ngày 07/4/2011.

Các đương sự thỏa thuận: Giao các con Mai Thị Thùy T2 và Mai Phước P cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Phước T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Mai Thị Thùy T2 hàng tháng là 1.300.000 đồng, cấp dưỡng nuôi con Mai Phước P hàng tháng là 700.000 đồng. Ông Mai Phước T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Tự giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị T và ông Mai Phước T1 chịu 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Mai Phước T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung

Giao các con Mai Thị Thùy T2, sinh ngày 14/9/2006 và Mai Phước P, sinh ngày 07/4/2011 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Mai Phước T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Mai Thị Thùy T2 hàng tháng là 1.300.000 đồng, cấp dưỡng nuôi con Mai Phước P hàng tháng là 700.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 4/2019 cho đến khi con Mai Thị Thùy T2 và Mai Phước P đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Mai Phước T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị T và ông Mai Phước T1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001751 ngày 7/3/2019 của Chi cục Thi hành dân sự thị xã Điện án Bàn. Bà Trần Thị T và ông Mai Phước T1 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- UBND xã Điện T;
- Lưu.

Nguyễn Thị Xuân